

Số: 26/2022/QĐST-HNGĐ

B T, ngày 01 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 14/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị Đ, sinh năm: 1993

HKTT: Thôn T L, xã V N, huyện B T, tỉnh T H.

- Bị đơn: Anh Lương Văn Q, sinh năm: 1989

HKTT: Thôn T L, xã V N, huyện B T, tỉnh T H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 02 năm 2022.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 02 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hà Thị Đ và anh Lương Văn Q.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về hôn nhân:** Chị Hà Thị Đ và anh Lương Văn Q thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lương Thị Yến N, sinh ngày 04/09/2011. Nay ly hôn giao cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên, chị Đ đến không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị Hà Thị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu

đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- **Về tài sản và công nợ:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 nghị quyết 326/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chị Hà Thị Đ và anh Lương Văn Q đều là người đồng bào dân tộc thiểu số (dân tộc Thái), sống ở xã có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện B T;
- UBND xã V N;
- Chi cục THADS huyện B T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Vũ Văn Nga**